PHÁP TU CĂN BẢN CỦA HỆ NAM TÔNG VÀ PHÁP TU CĂN BẢN CỦA HỆ BẮC TÔNG

Hôm nay tôi giảng buổi cuối năm với đề tài Pháp tu căn bản của hệ Nam tông và pháp tu căn bản của hệ Bắc tông. Qua đó, đối chiếu cho quí vị thấy mỗi phái có một hướng nhìn khác nhau, vì vậy chia thành Nam tông, Bắc tông riêng khác.

Hệ Nam tông lấy Tứ đế làm pháp tu căn bản. Trong Tứ đế, phần Đạo đế tức ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thì Bát chánh đạo là phần căn bản tu hành. Bắc tông có nhiều pháp nhưng lấy Lục độ làm căn bản tu hành Như vậy chúng ta đối chiếu pháp lục độ của Bắc tông và Bát chánh đạo của Nam tông, để thấy tinh thần khác nhau của mỗi bên.

Nói về Nam tông, Bát chánh đạo là pháp căn bản, vì vậy người tu phải nắm vững pháp này. Tôi hiểu và dịch Bát chánh đạo là tám đoạn đường ngay thẳng đưa chúng ta đến Niết bàn. Tám đoạn đường chớ không phải tám nẻo đường . Vì mỗi một đoạn đường là một chặng, chúng ta đi từ chặng số một đến chặng số hai số ba, cuối cùng đến chặng số tám thì viên mãn sự tu hành, tức viên mãn con đường đi đến Niết bàn. Cho nên tôi gọi là tám đoạn đường đưa đến Niết bàn.

Tám đoạn đường đó là gì? Thứ nhất là Chánh kiến, thứ hai là Chánh tư duy, thứ ba là Chánh ngữ, thứ tư là Chánh nghiệp, thứ năm là Chánh mạng, thứ sáu là Chánh tinh tấn , thứ bảy là Chánh niệm, thứ tám là Chánh định.

Chánh kiến là nhận định đúng đắn chân chánh. Nhận định đúng đắn từ đâu mà ra, hàng phàm phu có nhận định này không, muốn có chánh kiến phải làm sao? Chỗ này lâu nay nhiều người lúng túng khi nghiên cứu nó. Ai cũng có thể nhận định thế này thế kia, nhưng làm sao biết đó là nhận định đúng đắn. Nếu không nắm vững chỗ này tự nhiên chúng ta sẽ lúng túng, không biết thế nào là nhận định đúng đắn, tư duy đúng đắn. Nếu nhận định sai lầm thì tư duy cũng sai lầm. Vậy nhận định đúng đắn phát nguồn từ đâu?

Chúng ta nhớ trong Tam tuệ học, thứ nhất là Văn tuệ. Có Văn tuệ rồi mới tới Tư tuệ . Ở đây cũng vậy, muốn có nhận định đúng đắn trước hết phải học kinh tức lời Phật, Tổ dạy. Nhờ học kinh, chúng ta thấm nhuần giáo pháp chân chánh, từ đó nhận định mới đúng, tư duy mới đúng. Đó là điều hết sức rõ ràng. Nếu không học kinh Phật thì khó có chánh kiến được. Pháp tu này thuộc về Thanh văn thừa, nên bước đầu là nghe lời Phật

dạy. Văn là nghe, thanh là âm thanh, nghe được âm thanh Phật dạy mới thấu hiểu. Nhờ thấu hiểu mới có trí tuệ nhận định đúng đắn.

Vì vậy muốn tu theo Nam tông, trước hết chúng ta phải học kinh tức có Văn tuệ, rồi mới đến Tư duy tuệ, và sau cùng là Tu tuệ. Thế nên Văn tuệ là bước đầu để có Chánh kiến. Chúng ta tu, làm việc, phải có nhận định đúng đắn. Suy nghĩ đúng đắn mới có ngôn ngữ đúng đắn, tức Chánh ngữ.

Suy nghĩ đúng là suy nghĩ như thế nào? Có phải suy nghĩ làm ăn thế này mau giàu, thế kia mau phát tài không? Không phải vậy. Giáo lý căn bản trong hệ A Hàm luôn chỉ cho chúng ta thấy tất cả pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nghĩ như thế là suy nghĩ đúng với những gì Phật dạy. Đó là Chánh tư duy. Nhờ có chánh kiến nên mới có Chánh tư duy.

Suy nghĩ đúng rồi, chúng ta nói năng hay dạy bảo ai cũng đúng với chánh pháp của Phật dạy đó là Chánh ngữ. Hành động đúng như chánh pháp là Chánh nghiệp. Sống cuộc đời an lành giải thoát không bị các nghiệp ác trói buộc là Chánh mạng. Từ Chánh mạng chúng ta cố gắng tinh tấn tiến lên là Chánh tinh tấn. Từ Chánh tinh tấn, chúng ta chuyên tâm niệm các pháp như Tứ niệm xứ ... là Chánh niệm. Có Chánh niệm mới đi tới Chánh định. Trong chánh định, định cuối cùng là Diệt tận định. Được Diệt tận định, cũng gọi là Diệt thọ tưởng định, tức giải thoát sanh tử chứng Niết bàn.

Ngoại đạo cũng có những thứ định như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ, nhưng không có Diệt tận định. Chỉ những người tu Phật, sắp chứng A la hán mới đi tới Diệt tận định. Diệt tận định thì nhập Niết bàn, vô sanh, giải thoát sanh tử.

Cho nên Chánh kiến là chặng đường ban đầu, chặng đường học Phật. Chúng ta học được chánh pháp của Phật, hiểu đúng rồi mới suy nghĩ đúng. Nhưng không phải học như con vẹt, học rồi còn suy gẫm, tìm hiểu. Suy gẫm thấy đúng chúng ta mới có lời nói và hành động đúng. Người đến với đạo Phật, tu theo Thanh văn thì sở nguyện phải chứng quả Niết bàn, giải thoát sanh tử. Muốn thế cần có đủ tám điều này Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Mỗi một điều là một chặng đường. Đó là đại cương giáo lý căn bản của hệ Nam tông.

Bắc tông thì lấy Lục độ làm căn bản. Lục độ tức sáu điều cứu thoát: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ . Sáu điều này có công năng chuyển dở xấu thành hay tốt nên gọi là Lục độ. Vì vậy dùng Lục độ để độ lục tệ. Lục tệ tức là sáu điều xấu: xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si. Bố thí độ xan tham, trì giới độ phá giới, nhẫn nhục độ sân nhuế, tinh tấn độ giải đãi, thiền định độ tán loạn, trí tuệ độ ngu si. Kiểm lại chúng ta có đủ cả sáu tệ, cho nên phải dùng Lục độ để cứu mình từ xấu tệ trở thành hay tốt.

Tôi sẽ đối chiếu Bát chánh đạo của Nam tông và Lục độ của Bắc tông cho quí vị thấy. Bát chánh đạo mở đầu là chánh kiến, còn Lục độ mở đầu là bố thí. Hai bên khác nhau thế nào? Nam tông là phải thấy đúng như chánh pháp của Phật, còn Bắc tông đầu tiên phải có đủ lòng từ bi. Có từ bi mới bố thí, không có từ bi làm sao bố thí.

Như vậy với Bắc tông, bước đầu phải có lòng từ bi thương người. Bởi thương người nên ai khổ mình giúp, ai đói mình cho cơm gạo. Nhưng đói có đói của thân và đói chánh pháp. Người muốn nghe chánh pháp mà không được nghe là đói chánh pháp, hạng này phải bố thí chánh pháp. Đói cơm thì cho cơm, đói pháp thì cho pháp, nên nói bố thí tài, bố thí pháp. Bố thí pháp thuộc về tinh thần, bố thí tài thuộc về vật chất. Người cần những điều thiết yếu nào chúng ta giúp thứ ấy, đó là tâm bố thí. Tâm bố thí đó phát nguồn từ lòng từ bi. Do thương người nghèo thiếu, ta chịu không nổi nên cứu giúp.

Bố thí trừ bệnh bỏn sẻn tham lam. Ta có tiền của, người ta đói không cho là bỏn sẻn. Ta biết pháp biết đạo, người ta thèm khát muốn được nghe, mà không chịu giảng dạy là bỏn sẻn. Cho nên nhờ có tâm từ bi, chúng ta giúp người bằng những phương tiện vật chất cho người được an ổn. Kế đến giúp phần tinh thần là chánh pháp. Như vậy là chúng ta tu hạnh bố thí, để tiêu diệt lòng tham lam.

Ví dụ quí Phật tử mỗi tháng làm được một triệu bạc, nuôi sống mình khoảng bảy tám trăm, còn dư vài trăm. Có người đói thiếu quá, họ cần một trăm để qua cơn đói, mình nghĩ sao? Ta dư để dành khi bệnh hoạn có tiền xài, nên không giúp. Như vậy là tâm keo kiệt, ích kỷ chỉ biết nghĩ tới mình. Ta chưa đau đã lo để dành, người ta đói không thèm cho. Người đang đói và mình chưa đau, việc nào cần hơn? Cứu người hết đói là một nhu cầu cấp bách. Còn mình chưa đau mà để dành thì xa quá, như vậy là ích kỷ, keo kiệt rồi. Ta có dư, thấy người khác đang cần, mình giúp. Nhờ thế tâm tham lam của mình không

còn. Nếu cứ lo để dành, tích lũy hoài, được một đòi hai, được hai đòi ba, cho tới trăm ngàn muôn ức, để dành hoài không chán, đó là đại tham. Nên bố thí để diệt tâm tham lam keo kiệt. Vì vậy nói bố thí độ xan tham. Đó là pháp tu thứ nhất của Lục độ.

Thứ hai, Trì giới độ phá giới. Nghĩa là chúng ta giữ giới để tiêu diệt lỗi phá giới của mình. Bởi vì người tu thọ giới rồi, tuy có giữ nhưng tương đối thôi, chứ không trọn vẹn tuyệt đối. Thí dụ hàng xuất gia thọ Sa di, chiều Phật không cho ăn cơm. Nhưng đói quá cũng lén ăn cháo hoặc mua bánh mì, như vậy có phá giới không? Có. Còn hàng cư sĩ tại gia có giữ tròn năm giới không? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Giả sử giữ được các giới khác, nhưng tới giới nói dối thì sao? Nhiều Phật tử làm ăn buôn bán bảo muốn có lời phải nói dối, như vậy có phá giới không?

Quí vị mới thấy chúng ta thọ giới của Phật là để khuôn mình trong vòng đạo đức, để thoát khỏi những khổ đau, nhưng thật sự chúng ta khuôn trong đó không nổi, nên cứ xé rào hoài. Xé rào gọi là phá giới, vì giới là hàng rào. Thường trong luật dạy "phòng phi chỉ ác" tức là ngừa đón lỗi lầm, xấu ác. Cho nên giới là hàng rào bao bọc để chúng ta đừng rớt vào hố tội lỗi. Nhưng nếu mình xé rào thì phải rớt thôi.

Phật vì thương nên dạy chúng ta tu để đạt được bản nguyện giải thoát sanh tử, chấm đứt khổ đau. Nhưng chúng ta tu thì tu, mà những điều Phật răn, Phật cấm cũng cứ lén lén làm. Lén lén chứ không phải công khai, song cũng gọi là phá giới. Phá giới thì nhất định rơi vào hố tội lỗi. Bởi giới này phá được thì giới khác cũng phá. Như phả giới nối dối được, lâu lâu có tiệc tùng ai mời uống rượu, mình tự nghĩ uống chút chút chắc không sao, nên phá thêm giới thứ hai nữa. Đó là lý do khiến chúng ta rơi vào hố tội lỗi.

Giới là nền tảng bảo bọc chúng ta không rơi vào tội lỗi. Nếu người tu rơi vào tội lỗi thì làm sao bố thí lợi ích chúng sanh. Cho nên muốn bố thí tốt chúng ta phải giữ giới, giữ giới thì không có lỗi phá giới. Cho nên độ thứ hai là trì giới.

Thứ ba là Nhẫn nhục. Trong chúng ta có ai không nóng giận đâu. Nóng giận là bệnh phổ thông, ai cũng có hết. Bởi vậy Phật dạy phải tu nhẫn nhục để trị bệnh nóng giận, nên nói nhẫn nhục độ sân nhuế. Bố thí phá được tệ tham lam, giữ giới phá được tệ phá giới. Nhẫn nhục phá được tệ nóng giận Ai cũng biết nóng giận là tệ, nhưng sao lại chứa, nó là tệ thì bỏ đi.

Chúng ta thường tự cho rằng mình làm chủ mình, vậy những gì tệ sao không đuổi nó ra, những gì tốt mới nên nuôi dưỡng. Mình làm chủ mà cái tệ thì chứa, như vậy ông chủ này đã dung ăn trộm trong nhà. Nóng giận là tệ mà chúng ta dung dưỡng thì làm sao về Cực Lạc, làm sao được Niết bàn. Muốn được Niết bàn, muốn về Cực Lạc phải bỏ nóng giận. Muốn bỏ nó phải có phương pháp. Phương pháp ấy là nhẫn nhục.

Sao gọi là nhẫn? Không giận là nhẫn. Làm sao để không giận? Ví dụ người ta chửi mình, lúc đó chúng ta nổi nóng lên miệng sắp la. La thì hiền hay dữ. Vừa nổi nóng lên mở miệng nói là dữ. Bây giờ muốn nhịn làm sao đây? Có người bảo nóng, uống ly nước lạnh cho nó mát lại. Như vậy được chưa? Uống vô mát, một lát nóng lại nữa thì sao? Chẳng lẽ uống cả chục ly nước sao, như vậy chắc bể bụng. Có người bảo nóng quá niệm Phật. Niệm Phật một hồi hết niệm, nhớ lại nổi nóng nữa. Như vậy niệm Phật thì bớt, buông ra thì nóng lại. Đó là điều rất khó giải quyết.

Theo tôi thì thế này. Có hai trường hợp, khi chúng ta nổi nóng lên trước nhất là phải nhịn. Làm sao để nhịn? Lúc đó quí vị thử đọc câu thần chú này "Nói là dại, nhịn là khôn". Nghĩa là khi nóng trong bụng quá, sắp la thì đọc câu thần chú trên. "Nói là dại, nhịn là khôn" ... đọc một hồi quên giận. Chớ lúc đó mở miệng ra thì nói bậy, nói bậy là gây chuyện thương tổn với nhau, là dại rồi.

Đọc như thế để qua cơn nóng, nhưng muốn tẩy hết nóng giận phải khởi "quán Từ bi". Quán từ bi là quán thế nào? Ta nên xem xét như vầy, người đang nổi nóng chửi mình, gương mặt dễ thương không, lời nói dễ nghe không? Mặt họ đỏ, miệng nói bậy. Mặt đỏ nói sàm có phải là người điên chưa? Họ đang điên.

Chúng ta khởi nghĩ họ đang bệnh, đang điên cuồng; mà người bệnh, người điên cuồng đáng thương hay đáng giận? Mình tỉnh sáng, người ta bệnh thì phải thương mà tha thứ họ. Như vậy nhờ khởi lòng từ bi, chúng ta bỏ qua được hết. Chứ cứ nghĩ họ nói như thế là gác mình, nói nặng mình thì không bao giờ bỏ được. Nghĩ tới họ là người đáng thương nên hết giận luôn. Đó là lấy nước từ bi tẩy sạch lửa hận trong tâm mình, không trách, không hờn gì cả.

Cho nên đối trị nóng giận, trước dùng nhẫn nhục cho qua cơn, đừng nói bậy. Qua cơn nóng giận rồi phải khởi quán từ bi để dẹp sạch lòng nóng giận. Đó là chúng ta khéo tu, biết tu. Đa số người tu nghe nói nhịn không biết nhịn làm sao? Có người nhịn và bảo

“tôi nhịn một lần rồi nghen”, người kia vẫn tiếp tục mắng chửi thì bảo “tôi nhịn hai lần rồi nghen”, tới lần thứ ba hết nhịn nổi thì nổ tung. Như vậy chỉ là kềm chế, chứ chưa biết nhẫn. Kềm chế thì có giới hạn, tới mức nào đó chịu hết nổi thì nổ tung. Cho nên chúng ta phải khéo tu. Chúng ta biết nhẫn nhục, biết quán từ bi thì tâm sân hận sẽ không còn, nên nói nhẫn nhục độ sân nhuế. Đó là độ thứ ba.

Thứ tư là Tinh tấn. Tất cả chúng ta ai cũng có bệnh lười biếng, không nhiều thì ít. Người lười biếng nhiều tới giờ tụng kinh, nhất là buổi khuya nghe đánh kiểng, lăn qua trở lại cựa mình không nổi nên nằm ngủ luôn. Người lười biếng ít lăn qua trở lại năm lần mười lượt rồi cũng ráng trỗi dậy, nhưng uể oải lắm. Người tinh tấn nghe kiểng thì trỗi dậy liền, không chần chờ, chậm lụt.

Phật tử mỗi tối có một thời kinh học sám hối, nhưng hôm nào trong mình hơi uể oải một chút thì nghĩ bữa nay mệt quá, thôi để mai sẽ sám hối bù. Đó là hiện tượng giải đãi, lười biếng. Khi thấy trong người uể oải, mình cố gắng thức dậy súc miệng rửa mặt, mặc áo vô lễ Phật sám hối hoặc tụng kinh. Nhờ mạnh mẽ vậy, xuất hạn mồ hôi hết mệt. Ngược lại, vừa uể oải liền trùm mền là sẽ nằm luôn.

Vì vậy căn bản của sự tu là phải tinh tấn, nhờ tinh tấn chúng ta tiến mới nhanh. Trong kinh kể rằng, Đức Di Lặc hồi xưa là bạn đồng tu với Phật Thích Ca. Nhưng ngài Di Lặc bị một lỗi là cầu danh, thường đến nhà quan tướng giáo hóa để được danh lợi, nên việc tu hành chậm trễ . Còn Đức Phật Thích Ca rất tinh tẩn, Ngài nỗ lực tu nên thành Phật đã hơn hai ngàn năm rồi, mà Dức Di Lặc chưa thành Phật.

Như vậy tinh tấn là gốc để chúng ta đạt được đạo. Đã là người tu thì phải cố gắng, tinh tấn, đừng chần chờ, đừng giải đãi. Giải đãi làm cho mình tốn rất nhiều thời giờ, trải qua nhiều đời nhiều kiếp vẫn chưa đạt đạo. Chúng ta đừng sợ tinh tấn sẽ sanh bệnh hoạn. Tinh tấn đúng thời đúng tiết thì không bệnh hoạn gì hết. Trừ những người tinh tấn quá đáng mới sanh ra bệnh hoạn.

Chúng ta tu phải cố gắng tinh tấn, không nên lười trễ. Bởi vì con ma lười nó đã nằm sẵn trong tâm mình, chờ có cơ hội nó liền lôi kéo, xúi giục mình ngủ cho ngon, chơi cho khỏe, không chịu cố gắng tu. Nhờ tinh tấn mà ma lười không thể lôi kéo được chúng ta. Nên Tinh tấn là độ thứ tư.

Thứ năm là thiền định độ tán loạn. Người tu Thiền khi ngồi lại tâm nghĩ tứ tung, người tu niệm Phật cũng thế. Do tâm không chuyên nhất nên vọng tưởng dẫn đi tứ tung. Cho nên phải dùng thiền định để phá tệ tán loạn. Thiền định là thế nào? Đức Phật dạy người niệm Phật muốn Phật Di Đà đón về Cực lạc thì phải niệm Phật đến nhất tâm. Trong kinh Di Đà nói rõ từ một ngày cho tới bảy ngày, niệm Phật nhất tâm bất loạn, thì khi lâm chung Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ở trước mặt đón mình về Cực lạc.

Nhất tâm bất loạn là không còn một chút loạn tưởng nào, chỉ có nhất tâm. Có một số người niệm Phật còn lầm lẫn nhất tâm với nhất niệm. Nhất niệm là chỉ còn một mệm Nam mô A Di Đà Phật, không có niệm nào chen vô đó cả. Nhưng còn niệm thì chưa phải nhất tâm. Kinh nói niệm tới chỗ vô niệm, nghĩa là không còn một niệm nào nữa hết. Nhờ câu niệm Phật ta dứt được những niệm khác, đến khi câu niệm Phật cũng lặng luôn, đó mới gọi là nhất tâm. Được nhất tâm thì Phật A Di Đà và Thánh chúng mới hiện tiền.

Chư Tổ nói pháp tu Tịnh độ là dùng phương tiện đạp gai lấy gai mà lể. Người lỡ đạp gai trong chân, nên mượn cái gai khác bén hơn để lể bỏ gai cũ. Gai cũ đã bỏ rồi, nếu còn để cây gai mới ở đó thì sao? Thì cũng như không. Cho nên gai cũ lể được rồi, gai mới cũng phải ném luôn. Hai cây gai ném hết lúc đó chân mới lành. Niệm Phật là dùng câu niệm Phật để trị tâm tán loạn. Tán loạn hết rồi thì câu mệm Phật cũng buông luôn. Nên nói niệm đến chỗ vô niệm.

Người tu Thiền, theo kinh Đại tứ niệm xứ của Nam tông dạy rằng: Người quán Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày, ba ngày đến bảy ngày mà tâm không dời đổi, không xao lãng, người đó sẽ chứng từ tam quả A na hàm đến tứ quả A la hán. A la hán là vô sanh. Muốn được quả vô sanh, chứng Niết bàn thì cũng phải trụ tâm nơi Tứ niệm xứ. Trụ tâm nơi Tứ niệm xứ tới không còn chỗ trụ nữa, đó là Niết bàn. Còn người tu theo Thiền tông buông xả tất cả những niệm loạn tưởng . Buông xả tới chừng nào, suốt ngày đi đứng nằm ngồi không còn một niệm loạn tưởng, mới ngộ được lý Thiền. Chỗ cứu kính cũng giống pháp môn niệm Phật.

Tóm lại, phương pháp tu nào cũng phải dẹp hết loạn tưởng. Nhờ dẹp bỏ loạn tưởng chúng ta ngộ đạo, nhờ dẹp bỏ loạn tưởng chủng ta được Niết bàn, nhờ dẹp bỏ loạn tưởng chúng ta được về Cực lạc.

Loạn tưởng xấu dở ở chỗ nào mà chúng ta phải dẹp bỏ? Như chuyện xấu bậy thì bỏ được, còn chuyện hay tốt bỏ uổng quá. Mình nghĩ mai đi làm từ thiện, mốt đi nghe pháp, tốt quá bỏ sao đành. Nhưng còn nghĩ là còn loạn tưởng. Bởi vì trong kinh Phật dạy, chúng ta sanh tử luân hồi trong sáu đường, thấp nhất là địa ngục, kế đó là ngạ quỷ, súc sanh, rồi người, a tu la, trời. Trong sáu đường đó, ba đường ác, ba đường thiện. Nếu nghĩ xấu ác, tạo tội nặng thì đọa địa ngực. Nghĩ xấu ác với tâm gian xảo, keo kiệt thì đọa ngạ quỷ. Nghĩ xấu ác với tâm si mê thì đọa súc sanh. Đó là ba đường ác. Nếu nghĩ phải, xứng đáng tư cách con người thì sanh làm người. Nghĩ lành nhưng còn nóng giận thì sanh làm A tu la. Còn nghĩ làm mười điều lành trọn vẹn thì được sanh cõi trời. Đó là ba đường lành.

Riêng người dứt hết các thứ nghĩ thì đi đường nào? Đó là chỗ tôi muốn nêu lên để chúng ta nắm cho thật vững. Còn nghĩ là còn niệm, còn niệm thì còn tạo nghiệp hoặc nghiệp xấu ác hoặc nghiệp lương thiện. Nghiệp ác thì đi ba đường dữ, nghiệp luơng thiện thì đi ba đường lành, nghĩa là còn đi trong lục đạo luân hồi. Bây giờ muốn ra khỏi lục đạo luân hồi thì phải làm sao?

Chỗ này Lục Tổ Huệ Năng đã bảo với Thượng tọa Minh: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”. Ngay câu đó Thượng tọa Minh liền ngộ đạo. Như tôi đã nói, nghĩ ác thì đi đường ác, nghĩ thiện thì đi đường thiện. Còn đi tức là còn ở trong lục đạo luân hồi. Bây giờ dừng hết nghĩ thiện, nghĩ ác thì “bản lai diện mục” muôn đời của mình hiện ra. Như vậy dứt nghĩ thiện, dứt nghĩ ác thì tâm không còn sanh diệt, tâm không còn sanh diệt thì cái chân thật bất sanh bất diệt hiện tiền.

Chúng ta đã sẵn có cái chân thật ấy gọi là Phật tánh, chân tâm nhưng vì nghĩ thiện, nghĩ ác che phủ nên mình không thấy. Bây giờ dừng được hai thứ này thì nó hiện ra. Vì vậy nghe Lục Tổ nói câu ấy, ngài Huệ Minh liền ngộ. Rõ ràng Tịnh độ hay Thiền Đại thừa, Thiền tông, Thiền nguyên thủy... đều đi tới chỗ dừng hết các niệm nghĩ tưởng. Tùy phương tiện ứng dụng có khác nhưng chỗ cứu kính không hai. Đó là điểm gặp nhau giữa các pháp tu.

Nhiều người không biết, cứ chỉ trích nhau mà không biết mình đang tu thế nào. Đó là sai lầm lớn. Trong đạo Phật, cứu kính không hai đường. Khi nào tâm bặt hết những

niệm nghĩ tưởng, bặt hết phải quấy hơn thua, đối đãi thì cái chân thật hiện ra. Nên nói tu giải thoát sanh tử là vậy, vì cái đó không sanh không diệt thì đâu còn đi trong lục đạo. Không đi trong lục đạo tức là nhập Niết bàn, là giải thoát sanh tử.

Thiền định cốt dừng tán loạn, nên niệm Phật được nhất tâm cũng là Thiền định, tu Tứ niệm xứ tới nhất tâm cũng là Thiền định. Khi dứt hết tán loạn thì được Niết bàn, không nghi ngờ gì nữa. Đó là độ thứ năm, Thiền định tán loạn.

Thứ sáu là Trí tuệ độ si mê. Si mê tức là vô minh, nó khiến chúng ta tạo nghiệp rồi luân hồi trong sanh tử . Vì vậy muốn hết luân hồi sanh tử phải có trí tuệ. Bởi chỉ có trí tuệ mới phá tan mê lầm, không mê lầm thì không còn đi trong sanh tử nữa. Bát chánh đạo không nói trí tuệ mà nói chánh kiến. Chánh kiến này từ học mà có, nên thuộc văn tuệ tức hữu sư trí. Còn trí tuệ từ Thiền định phát sanh của lục độ thuộc về trí vô sư. Mỗi bên có một hướng khác nhau.

Hệ Nam tông vào đạo bằng trí tuệ hữu sư, nên trong kinh Pháp Cú, Phật dạy: “Các ngươi phải tự thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với chánh pháp”. Chúng ta mở sáng trí tuệ bằng cách nương theo chánh pháp của Phật. Hệ Bắc tông khai triển trí tuệ vô sư, nên từ Thiền định mà có.

Đức Thích Ca giác ngộ sau khi thiền định dưới cội bồ đề bốn mươi chín ngày đêm, cuối cùng Ngài chứng được tam minh v.v... Giác ngộ do định mà được nên sự giác ngộ đó không có thầy. Vì vậy Phật tuyên bố “Ta học đạo không có thầy”. Không có thầy thì ai dạy ? Do trí vô sư sẵn có vậy. Khi tâm thanh tịnh thì trí này tự sáng, không phải do học mà được. Trí vô sư là trí bất sanh, bất diệt, còn trí hữu sư là trí sanh diệt. Trí vô sư mới cứu chúng ta giải thoát sanh tử. Thượng tọa Minh ngộ được bản lai diện mục là nhờ đi tới chỗ không nghĩ thiện, không nghĩ ác tức dừng tâm đối đãi, bấy giờ trí vô sư hay Phật tánh mới hiện ra, rõ ràng như vậy.

Người tu Phật nói tới giải thoát sanh tử là phải dứt hết hai bên, còn trong vòng đối đãi, làm thiện tu phước thì không bao giờ giải thoát sanh tử, chỉ đi trong ba đường lành thôi. Nam tông tu tới A la hán là Diệt tận định thì nhập Niết-bàn. Các Ngài chỉ mong một đời tu chứng được vô sanh, còn Bắc tông tu để nhận được trí vô sư sẵn có. Vì vậy Bồ-tát tu Lục độ lấy trí tuệ tức giác ngộ làm mục đích cứu kínhh. Đã giác ngộ rồi Bồ tát thấy mọi chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng vì quên thành ra mê. Do đó Bồ tát phát nguyện

vào đời độ sanh, giúp tất cả chúng sanh ngộ được tánh Phật sẵn có của mình. Còn A la hán được Diệt tận định rồi thấy chúng sanh mê lầm khó giáo hóa hết được, nên nhập Niết bàn cho yên. Vì vậy trong kinh thường trách: Tu theo hạnh Thanh văn là tiêu cực. Đó là vì các Ngài đến được chỗ an lành rồi, an trú một mình mà không phát nguyện vào đời độ sanh.

Tinh thần nhập thế của Bắc tông vì thế được gọi là tinh thần Đại thừa. Chúng sanh nào cũng có của báu nhưng lại quên. Bồ tát thấy biết mà không chỉ thì cảm thấy mình không xứng đáng là người tốt, là người đi trước, nên các Ngài đem hết khả năng, sức lực của mình chỉ mọi người cùng thấy cùng biết, cho tròn bổn phận của mình. Vì vậy Bồ tát không chấp nhận nhập Niết bàn.

Chẳng những Bồ tát mà một vị A la hán như ngài A Nan cũng phát nguyện: "Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn", nếu còn một chủng sanh chưa thành Phật, con trọn không nhập Niết bàn. Vì các Ngài thấy mình có hòn ngọc quí, người khác cũng có mà chưa thấy thì nỡ nào làm thinh bỏ đi. Cho nên phải lăn lộn, phải chỉ bảo cho mọi người cùng thấy, cùng biết như mình. Chừng đó thảnh thơi muốn đi đâu thì đi, muốn nhập hay không nhập Niết bàn cũng được.

Vì vậy tâm Bồ tát khác tâm Thanh văn. Thanh văn chứng Diệt tận định rồi nhập Niết bàn. Bồ tát chứng ngộ chân lý rồi, luôn luôn giáo hóa không ngừng nghỉ để tất cả chúng sanh cùng ngộ như mình, đó là bản nguyện của các Ngài. Nam tông chú trọng sạch phiền não được vô sanh, nên lấy Chánh định làm gốc. Bắc tông chú trọng giác ngộ, nhận ra tánh Phật sẵn có của mình, nên lấy trí tuệ vô sư làm gốc. Như vậy hai lối tu có những điểm khác nhau, vì vậy tâm hạnh cũng khác nhau.

Chúng ta học kinh điển Phật, phải hiểu cho tường tận mới thấy đường tu hết sức rõ ràng, không có gì nghi ngờ hết. Phật dạy giải thoát không có đâu xa hết. Ngay nơi cõi này mà không bị vướng mắc, sống được với cái chân thật của chính mình đó là giải thoát, là vô sanh. Thế gian thích sống, nên nghe Phật nói chứng được Niết bàn vô sanh, buồn quá. Còn tu Tiên, luyện được thuốc trường sanh bất tử, sống hoài không chết nên người ta ham. Nói trường sanh bất tử, nhưng chúng ta xem ngày nay còn ông Tiên nào không? Bất tử sao không còn, như vậy đâu phải là chân lý.

Phật nói Niết bàn là vô sanh, không sanh thì làm gì có tử, nếu có sanh thì có tử. Tử sớm là năm bảy mươi năm, tử muộn là vài trăm năm, cũng tử thôi. Chỉ vô sanh mới là bất tử. Đó là lẽ thực, là chân lý.

Hôm nay tôi giảng về đề tài này để quí vị xét kỹ hai đường lối tu căn cứ vào hai phần giáo điển, một lấy Bát chánh đạo, một lấy Lục độ làm căn bản nên có những điểm sai biệt. Như vậy để nhận ra Bắc tông khác hơn Nam tông ở chỗ nào. Nhiều người nói Tiểu thừa là cỗ xe nhỏ, Đại thừa là cỗ xe lớn. Nói vậy đúng chưa ? Nếu cho rằng Tiểu thừa là cỗ xe nhỏ ít độ người, Đại thừa là cỗ xe lớn độ nhiều người, như vậy không đúng.

Nhiều vị tu theo Nguyên thủy ngộ đạo độ cũng rất nhiều người. Còn vị tu theo Đại thừa mà không tới đâu thì có độ được ai, làm sao nói nhiều ít. Chỉ khác nhau ở chỗ, người tu chứng Diệt tận định nhập Niết bàn, ngang đó nghỉ vĩnh viễn không độ sanh thì mang tinh thần Tiểu thừa. Còn người tu ngộ được Pháp thân rồi, lăn lộn trong đời để độ chúng sanh không cùng, thì mang tinh thần Đại thừa. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy giá trị đường lối tu của mỗi bên. Nhưng phải tu tới nơi kìa, chớ còn tu lơ mơ cũng không thấy không biết được gì. Giá trị ở sự tu chớ không phải giá trị ở chỗ học nhiều. Học nhiều mà không tu thì cũng không có kết quả.

Vì vậy tôi mong mỏi tất cả cố gắng hiểu, ứng dụng tu cho được tốt. Như vậy là tự cứu mình và cứu được mọi người. Nếu không chịu tu, bản thân chúng ta không tự cứu được thì mong gì cứu ai. Mong tất cả cố gắng thực hiện tu hành đúng như lời Phật Tổ dạy.